

Số: /GPMT-UBND

Sơn Tịnh, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số SSLV/CV/2024-12-04 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ da South Sea Leatherwares Dung Quất 1” và Công văn số SSLV/CV/2025-04-14 ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ da South Sea Leatherwares Dung Quất 1”;

Theo Biên bản họp thẩm định cấp giấy phép môi trường ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Tổ kiểm tra (theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh) và đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện tại Tờ trình số 68/TTr-NNMT ngày 02/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam, địa chỉ Lô 9 - 11, đường 6A, KCN Việt Nam - Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ da South Sea Leatherwares Dung Quất 1”, địa chỉ Lô 9 - 11, đường số 6A, KCN VSIP Quảng Ngãi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ da South Sea Leatherwares Dung Quất 1.

b) Địa điểm hoạt động: Lô 9 - 11, đường số 6A, KCN VSIP Quảng Ngãi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3278873442 do Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp chứng nhận lần đầu ngày 28/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/02/2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300776746 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 06 tháng 4 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/01/2018.

d) Mã số thuế: 4300776746.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất túi sách và các sản phẩm làm bằng da và ni-lông.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích xây dựng dự án: 32.955 m².

- Nhóm dự án: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Công suất: 1.300.000 sản phẩm/ năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký).

Điều 4. Giao Trưởng phòng Phòng Nông Nghiệp và Môi trường, UBND xã Tịnh Phong tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT; PCT UBND huyện;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Phòng NN&MT huyện;
- UBND xã Tịnh Phong;
- Cty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam;
- Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi;
- CVP, PCVP (KT, TH) huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Hòa

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Sơn Tịnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi được xử lý tại HTXLNT công suất 240 m³/ngđ của cơ sở đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của HTXLNT tập trung của KCN VSIP Quảng Ngãi được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất VSIP/FIN-Logal/LA-VSIP QN/38/16001 và VSIP/FIN-Logal/LA-VSIP QN/39/16002 ngày 24/4/2016 giữa Công ty TNHH South Sea Leatherwares Việt Nam và Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp VSIP và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp VSIP).

- Đồng thời cơ sở đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ da South Sea Leatherwares Dung Quất 1 theo Công văn số 6450/STNMT-MT ngày 31/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh bao gồm nước thải từ khu vực vệ sinh (toilet) được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, tắm rửa, vệ sinh sàn và nước thải từ nhà ăn được tách thức ăn thừa bằng lưới chắn rác, thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ. Nước thải sau khi qua các bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ và nước thải từ quá trình vệ sinh chân tay được thu gom bằng đường ống đi về HTXLNT tập trung của cơ sở có công suất 240 m³/ngđ. Nước sau xử lý của cơ sở đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT KCN VSIP đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi để xử lý trước khi đưa ra ngoài môi trường.

- Tiêu chuẩn nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi như sau:

Stt	Thông số	Đvt	Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT KCN VSIP
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	Độ màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 – 9
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Xianua	mg/l	0,07
19	Phenol	mg/l	0,1
20	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	16
22	Clo dư	mg/l	1
23	PCB	mg/l	0,003
24	Hóa chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	mg/l	0,3
25	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05
26	Sunfua	mg/l	0,2
27	Florua	mg/l	5
28	Clorua	mg/l	500
29	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	8
30	Tổng nitơ	mg/l	20
31	Tổng Phốt pho	mg/l	5
32	Coliform	MPN/100ml	5.000
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

b. Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ được thu gom vào 02 thùng chứa 1.000 lít. Định kỳ nước thải này được hợp đồng với Công ty CP Cơ – Điện - Môi trường Lilama thu gom và xử lý.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNTTT KCN VSIP trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN VSIP Quảng Ngãi, không xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Sơn Tịnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Gồm có hai (02) nguồn, cụ thể:

TT	Nguồn thải	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°)	
			X	Y
1	Nguồn số 01	Khu vực máy cắt vải, máy cắt dây đai, máy may, máy dập... tại Nhà xưởng	1682238	584936
2	Nguồn số 02	Máy thổi khí khu vực hệ thống xử lý nước thải.	1682309	584809

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp thêm thiết bị giảm thanh cho thiết bị độ ồn cao hoặc lắp đặt trong phòng riêng.

- Lót đệm cao su chống ồn và đặt máy trên nền xi măng mác cao.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Sơn Tịnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	rắn	1.000
2	Bao bì cứng thải nhựa	19 01 02	rắn	250
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	rắn	50
4	Dung dịch keo/chất kết dính thải	08 03 01	lỏng	2.500
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	rắn	50
6	Cặn dầu thải	17 06 01	lỏng	50
7	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	rắn	1.500
8	Dầu bôi trơn thải	17 02 04	lỏng	50
9	Các linh kiện điện tử, thiết bị hỏng thải	16 01 13	rắn	50
10	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	rắn	20
	Tổng			5.520

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn CNTT tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu cho ngành sản xuất khác	165.059
2	Chất thải rắn CNTT phải xử lý	207.240
3	Bùn thải từ HTXLNT và bùn thải từ các bể tự hoại	247,5
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	372.546,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khoảng 3.000 nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở	900
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	900

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: 08 thùng 20 L, 04 thùng 120 L có nắp đậy để chứa riêng từng loại chất thải và có biển chỉ dẫn trên mỗi thùng.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa*: Nhà chứa chất thải nguy hại có kích thước D x R = 2,5 x 4 (m), diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa nền được trát vữa, chống thấm, vách tôn, mái bằng tôn, có biển báo và cửa đóng mở khi ra vào, trang bị đầy đủ dụng cụ ứng phó sự cố rò rỉ, thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: 60 thùng bằng nhựa loại 120 L.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*: Kho chất thải rắn CNTT có kích thước D x R = 7,5 x 4 (m), diện tích 30 m², kho chứa nền bê tông, tường tôn, mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng loại 120 L và 06 thùng 240 L bằng nhựa có nắp đậy.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Nhà kho chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống thu gom xử lý khí thải, sự cố cháy nổ và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng

phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Sơn Tịnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.